

Hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên: Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng

Nguyễn Thị Kim Nhung*, Nguyễn Thị Đan**

Tóm tắt: Ô nhiễm do rác thải nhựa đang là vấn đề môi trường nghiêm trọng ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Lượng rác thải nhựa ngày càng tăng, trong khi việc phân loại, xử lý và tái chế còn hạn chế, gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Vì vậy, việc giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần là yêu cầu cấp thiết. Dựa trên lý thuyết hành vi có kế hoạch và lý thuyết kích hoạt chuẩn mực, nghiên cứu khảo sát 150 sinh viên thuộc Khoa Xã hội học và Công tác xã hội và Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, nhằm tìm hiểu hành vi chủ động giảm sử dụng nhựa dùng một lần và các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả cho thấy sinh viên có ý thức giảm nhựa nhưng mức độ chưa cao; phổ biến nhất là mang theo bình nước cá nhân. Chuẩn mực đạo đức – xã hội và các điều kiện tình huống ảnh hưởng đáng kể đến hành vi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất xây dựng cộng đồng giảm nhựa trong sinh viên, tăng cường kết nối với nhóm bạn bè, thúc đẩy nội tâm hóa các chuẩn mực xã hội và giảm các rào cản nhằm khuyến khích hành vi xanh, tạo hiệu ứng lan tỏa trong xã hội.

Từ khoá: giảm thiểu nhựa dùng một lần; sinh viên; lý thuyết hành vi có kế hoạch; lý thuyết kích hoạt chuẩn mực; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Ngày nhận: 21/5/2026; ngày chỉnh sửa: 18/8/2026; ngày chấp nhận đăng: 30/8/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.3.10>

1. Mở đầu

Rác thải nhựa là một trong những vấn đề đặt ra trong hoạt động quản lý chất thải rắn tại các khu đô thị hiện nay. Tác động của tăng trưởng kinh tế và tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh cũng như sự thay đổi trong lối sống và hành vi tiêu dùng của người dân đã gia tăng tình trạng ô nhiễm nhựa, khoảng 1,8 triệu tấn/năm (năm 2014) lên đến 2 triệu

tấn/năm (năm 2016) và 3,27 triệu tấn/năm (năm 2022) (Mạnh Hùng 2022). Báo cáo của World Bank (2022: 30) cho thấy các chất thải nhựa ở Việt Nam phổ biến là sản phẩm nhựa dùng một lần, như túi nhựa, hộp đựng thực phẩm bằng xốp, ống hút, bao bì, thường gây ra phần lớn tình trạng ô nhiễm nhựa ở Việt Nam.

Để cải thiện được các vấn đề về ô nhiễm nhựa ở Việt Nam, chính quyền các cấp đã ban hành nhiều văn bản, chính sách quản lý chất thải nhựa. Luật Bảo vệ môi trường mới sửa đổi gần đây nhất vào năm 2020 đã quy định rõ ràng tại điều 73 - Giảm thiểu, tái sử

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: kimnhung86@gmail.com

** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương (Quốc hội 2020). Ở cấp địa phương, như Hà Nội, Nghị quyết 22/2025/NQ-HĐND cũng quy định biện pháp giảm phát thải nhựa trên địa bàn thành phố, trong đó bắt đầu từ ngày 01/01/2026 cấm các chợ, cửa hàng tiện lợi cung cấp miễn phí túi ni-lông khó phân hủy, cấm khách sạn, khu du lịch không lưu hành và sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần (Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội 2025). Nếu theo cách tiếp cận này, các quy định, chính sách trước tiên hướng tới các cá nhân, hộ kinh doanh, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt. Tuy vậy, đối với cộng đồng dân cư, mặc dù chưa có lộ trình quy định cụ thể; song trong một số văn bản pháp luật, nhà nước cũng khuyến khích người dân thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, và giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

Trong tình hình hiện nay, bên cạnh biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường từ chất thải nhựa là vấn đề quan tâm của các nhà nghiên cứu. Các nghiên cứu trước đó về chủ đề quản lý chất thải nhựa tập trung vào nhiều chiều cạnh khác nhau.

Trước hết, các nghiên cứu tập trung vào việc nhận diện các hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. như các hành vi: sử dụng hộp cơm cá nhân khi đi mua thức ăn mang về, sử dụng nhựa phân hủy sinh học bioplastic dù giá thành cao hơn (Sedtha và cộng sự 2022), sử dụng bình nước cá nhân bằng thủy tinh, inox; hoặc bình giữ nhiệt khi mua cà phê, đồ uống (Minichiello và cộng sự 2023). Ngoài ra, nghiên cứu của Boca và Saraçlı (2023) đã chỉ ra rằng sinh viên có thể thay đổi các hành vi của mình, như mua sản phẩm có bao bì nhựa, chuẩn bị túi đi mua sắm, tái sử dụng túi nhựa, mang theo hộp đựng thức ăn cá nhân và ăn tại chỗ nhằm giảm sử dụng bao bì nhựa dùng một lần. Các tác giả cũng chỉ ra rằng sinh viên có thể thực hiện phân loại chất thải nhựa vào đúng các thùng theo

quy định, làm sạch môi trường, thu gom chất thải nhựa ở khu vực công cộng, hoặc báo cáo các trường hợp đốt nhựa gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu tập trung vào các hành vi từ chối sử dụng túi nhựa khi mua sắm, tránh mua nước đóng chai, tránh mua trái cây và rau củ đóng gói sẵn, từ chối sử dụng ống hút đi kèm với cà phê, lựa chọn vật liệu thân thiện với môi trường (Oludoye và cộng sự 2024). Hoặc thực hiện tái sử dụng và chuyển sang sử dụng các sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần bằng các vật dụng có thể sử dụng nhiều lần, như hành vi sử dụng túi vải, túi lưới, túi giấy khi đi mua sắm thay vì dùng túi ni-lông (Zahid và cộng sự 2025). Một số hành vi khác được các nhà nghiên cứu chỉ ra, bao gồm xử lý bỏ rác vào thùng đúng quy định, kể cả việc phải tự mang rác nhựa bên mình cho đến khi tìm thấy nơi bỏ rác phù hợp (Islam và cộng sự 2025). Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, một số nghiên cứu cho thấy hành vi tiết giảm trên thực tế vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyễn Thị Thu Hiền và cộng sự (2024) dù chỉ ra rằng sinh viên có mang bình nước tái sử dụng hay dùng túi vải khi mua sắm, nhưng tỷ lệ chủ động phân loại rác nhựa sau sử dụng còn thấp. Tương tự, Mai Hải Đăng (2026) cho thấy sinh viên đô thị có nhận thức khá tốt về vấn đề ô nhiễm nhựa và vi nhựa; tuy nhiên, hành vi tiết giảm trên thực tế vẫn vấp phải các rào cản cá nhân và bối cảnh môi trường khiến một bộ phận sinh viên chưa thể thực hiện triệt để lối sống xanh.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng tập trung phân tích yếu tố ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu nhựa vận dụng lý thuyết hành vi có kế hoạch của Ajzen (1991) hoặc lý thuyết kích hoạt chuẩn mực của Schwartz (1977). Các yếu tố trong khung phân tích của Ajzen được nêu ra, như là thái độ, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi được thừa nhận. Về yếu tố thái độ, trong khi Van và cộng sự (2021) trong một nghiên cứu tại

Malaysia hay Nguyễn Thị Thu Hồng (2024) trong một nghiên cứu ở Việt Nam cho rằng thái độ là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất, thúc đẩy người dân chuyển từ nhận thức sang hành động, thực hiện các hành vi thân thiện với môi trường, từ bỏ sản phẩm nhựa dùng một lần thì Phan Thị Thanh Thủy và cộng sự (2025) cho rằng thái độ đối với hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần dù có tích cực hay không thì cũng không ảnh hưởng đến hành vi của sinh viên như là các yếu tố quy định, chế tài. Bên cạnh thái độ, yếu tố chuẩn mực chủ quan được phát hiện có mối quan hệ ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng trẻ trong nghiên cứu của Sun và He (2023), đặc biệt dưới sự ảnh hưởng của nhóm đồng đẳng, áp lực đồng trang lứa đã thúc đẩy người trẻ thực hiện lối sống không nhựa. Yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi được nhóm nghiên cứu Oludoye và Supakata (2024) đánh giá cao trong mối quan hệ ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng trẻ, từ lúc mới bắt đầu ý định đến khi thực hiện thành thói quen thực hiện các hành vi xanh.

Ngoài ra, một số yếu tố khác được đề cập đến như quy định, chính sách, chuẩn mực đạo đức và chi phí sản phẩm thay thế. Đặng Hồ Phương Thảo và cộng sự (2022) chỉ ra rằng chi phí là một yếu tố rào cản, ở đó, sự chênh lệch giá giữa ống hút tự nhiên và ống hút nhựa là nguyên nhân chính khiến sinh viên có ngân sách sinh hoạt hạn chế ít có ý định chuyển sang tiêu dùng xanh. Một số nghiên cứu khác chỉ ra sự ảnh hưởng của chuẩn mực đạo đức đến hành vi của cá nhân. Khi cá nhân cảm thấy có nghĩa vụ đạo đức cần thực hiện hành động, họ sẽ thực hiện hành vi giảm thiểu nhựa một lần một cách tự nguyện, mà không cần bất cứ sự giám sát hoặc sự cưỡng chế nào (Esfandiar và cộng sự 2020; Shin và cộng sự 2024). Bên cạnh đó, quy định, chính sách cũng có ý nghĩa trong lý giải hành vi giảm thiểu/ tránh sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của

người tiêu dùng, như nghiên cứu của Gu và cộng sự (2023) đã chỉ ra rằng các biện pháp can thiệp chính sách, như là phí sử dụng nhựa, cấm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần... đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rác thải sản phẩm nhựa dùng một lần bằng cách định hình thái độ, nhận thức kiểm soát hành vi, ý định tránh sử dụng nhựa và mối quan tâm môi trường của công chúng; đồng thời thúc đẩy các hành vi thân thiện với môi trường nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững về môi trường.

Có thể thấy rằng, các nghiên cứu nói trên đã cung cấp một bức tranh tổng quát về hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên, người tiêu dùng trẻ và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi. Tuy nhiên, các nghiên cứu này tập trung nhiều hơn vào ý định hành vi thực hiện, mà chưa quan tâm đến các hành vi thực tế giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Bên cạnh đó gắn với bối cảnh thực tiễn hiện nay ở Việt Nam, các hành vi sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần vẫn chưa có dấu hiệu suy giảm do sự bận rộn và lối sống ưu tiên tính tiện lợi, nhanh gọn và giá thành sản phẩm rẻ, đặc biệt ở các khu vực trường học, canteen trường và các khu vực xung quanh trường học. Do vậy, việc tìm hiểu yếu tố thúc đẩy, rào cản để khuyến khích hơn nữa hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần là cần thiết. Hơn thế nữa, với các đặc điểm của người trẻ có tri thức cao, tiếp cận thông tin nhanh chóng, khả năng thay đổi hành vi và thích ứng cao; nghiên cứu khám phá với nhóm sinh viên sẽ giúp phát huy vai trò tiên phong của thanh niên, sinh viên trong việc hưởng ứng giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, từ đó lan toả rộng hơn sang các nhóm xã hội khác. Đó là cơ sở để chúng tôi thực hiện nghiên cứu về hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần trong nhóm sinh viên, dựa trên sự mở rộng của lý thuyết hành vi có kế hoạch.

Bài viết này dựa trên dữ liệu khảo sát của một nghiên cứu khám phá, tập trung làm rõ hai nhiệm vụ sau: i/ Tìm hiểu việc thực hiện hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; ii/ Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sử dụng nhựa của sinh viên.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết hành vi có kế hoạch và lý thuyết kích hoạt chuẩn mực để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên. Theo lý thuyết hành vi có kế hoạch, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi bao gồm: (i) Thái độ (Attitude): Nói tới mức độ mà một cá nhân có đồng tình hoặc không đồng tình đối với hành vi; (ii) Các chuẩn

mực chủ quan (Subjective norms): Nói tới niềm tin về việc liệu mọi người có ủng hộ hay phản đối hành vi. Nó liên quan tới niềm tin của một người về việc những người quan trọng với mình sẽ nghĩ rằng anh ta/cô ta có nên thực hiện hành vi không; (iii) Nhận thức kiểm soát hành vi (Perceived behavior control): Nói tới nhận thức của cá nhân về sự dễ dàng hay khó khăn của việc thực hiện hành vi (Ajzen 1991: 182). Trong khi đó, lý thuyết kích hoạt chuẩn mực của Schwartz (1977: 227) cho rằng, chuẩn mực đạo đức, được hình thành qua cơ chế cá nhân nhận thức về hậu quả của hành vi đối với môi trường, và tự gán trách nhiệm của mình với các hậu quả đó, được xem một cảm giác về nghĩa vụ đạo đức. Lúc này, chuẩn mực cá nhân được kích hoạt và cá nhân sẽ thực hiện hành vi phù hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này thiết lập hệ thống giả thuyết như sau:

- H1** Thái độ ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần
- H2** Chuẩn mực đạo đức - xã hội ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần
- H3** Các điều kiện tình huống ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần
- H4** Quy định, chính sách ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu và phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu về hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên là một nghiên cứu khám phá với dung lượng mẫu là 150 sinh viên. Mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu cụm có chủ đích. Hai cụm được chọn là sinh viên Khoa Xã hội học và Công tác xã hội (Khoa XHH&CTXH) và sinh viên Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (Viện Đào tạo BC&TT); trong đó, sinh viên Xã hội học có ưu thế phân tích các vấn đề xã hội - môi trường, còn sinh viên Báo chí có ưu thế tiếp cận các hoạt động, chiến dịch truyền thông môi trường. Tiêu chí chọn mẫu: (i) thuộc một trong hai đơn vị trên, (ii) từ 18 tuổi trở

lên. Trong mỗi cụm, nhóm nghiên cứu chọn ngẫu nhiên 07 lớp học phần, mỗi lớp phát 20 phiếu hỏi. Do sinh viên năm cuối không học trực tiếp trên giảng đường, nhóm nghiên cứu đã bổ sung hình thức khảo sát trực tuyến đối với nhóm sinh viên này thông qua đường dẫn Google Form, được gửi tới đại diện các lớp sinh viên năm cuối thuộc hai đơn vị. Người tham gia được thông báo mục đích nghiên cứu, quyền tự nguyện tham gia/rút lui, và cam kết ẩn danh, bảo mật dữ liệu trước khi quyết định tham gia khảo sát. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS. Nhằm kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội và hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên, nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích thống kê, bao gồm: phân tích

tương quan (Correlation Analysis) và phân tích hồi quy (Regression Analysis).

3.2. Khái niệm và thang đo

Sản phẩm nhựa dùng một lần được xác định là các vật dụng có thành phần nhựa, được thiết kế cho mục đích sử dụng tức thời - thường chỉ trong vài phút - trước khi trở thành chất thải. Loại sản phẩm này phổ biến trong đời sống sinh viên dưới các dạng như túi ni-lông, chai nhựa, hộp đựng thực phẩm, cốc nhựa, ống hút và bao bì thực phẩm.

Hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần được hiểu là các hành động cụ thể của sinh viên nhằm chủ động giảm thiểu hoặc tránh sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

Khái niệm chuẩn mực đạo đức - xã hội được định nghĩa là một cấu trúc tích hợp phản ánh sự giao thoa và gắn kết chặt chẽ giữa áp lực xã hội bên ngoài và nghĩa vụ đạo đức bên trong của cá nhân đối với thực hành giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Mặc dù hai khái niệm này độc lập về mặt lý thuyết, nhưng trên thực tế có sự gắn kết với nhau. Chuẩn mực đạo đức được đề xuất trong lý thuyết kích hoạt chuẩn mực, chuẩn mực chủ quan được đề xuất trong lý thuyết hành vi có kế hoạch. Việc chúng hội tụ trong một nhân tố “chuẩn mực” đã được

phát hiện trong nghiên cứu của Canlas và cộng sự (2025), ở đó nhóm tác giả định nghĩa chuẩn mực bền vững môi trường được cấu thành từ chuẩn mực cá nhân và chuẩn mực xã hội. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa hai loại chuẩn mực này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Shen và cộng sự (2026), Canoğlu và Üstüner (2025). Điều này phản ánh quá trình nội tâm hoá chuẩn mực, nơi các kỳ vọng và áp lực xã hội được cá nhân chuyên hoá thành nghĩa vụ đạo đức và sự tự gán trách nhiệm. Trên cơ sở này, chúng tôi thiết kế thang đo chuẩn mực đạo đức xã hội.

Các điều kiện tình huống được phát triển dựa trên yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi trong lý thuyết hành vi có kế hoạch. Điều kiện tình huống bao gồm các yếu tố bên ngoài, như cơ sở hạ tầng, nguồn lực thực tế thúc đẩy hoặc cản trở việc thực hiện thực hành giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

Thang đo được xây dựng dựa trên tích hợp các tiếp cận khác nhau, được kế thừa và phát triển từ nghiên cứu trước đó. Người trả lời đánh giá mức độ đồng ý đối với các nhận định theo thang điểm Likert 5 mức, từ 0 đến 4 điểm, trong đó điểm 0 tương ứng với mức “hoàn toàn không đồng ý/chưa bao giờ thực hiện” và điểm 4 tương ứng với mức “hoàn toàn đồng ý/thực hiện thường xuyên”.

Bảng 1: Các biến quan sát trong nghiên cứu

Ký hiệu biến	Các nhận định	Nguồn tham khảo
Thái độ (TD)		Oludoye và cộng sự (2024); Phan Thị Thanh Thủy và cộng sự (2025); Shin và cộng sự (2024)
TD1	Tôi tin rằng việc giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần là rất cần thiết để bảo vệ môi trường	
TD2	Theo tôi, hạn chế đồ nhựa dùng một lần mang lại lợi ích cho cả sức khỏe và môi trường	
TD3	Tôi đánh giá việc sử dụng các sản phẩm thay thế (bình nước cá nhân, túi vải) là một lựa chọn thông minh	
TD4	Tôi tin rằng mỗi hành động nhỏ của bản thân đều có trách nhiệm lớn đối với tình trạng ô nhiễm nhựa tại Việt Nam	
Chuẩn mực đạo đức – xã hội (CM_ĐĐXH)		Oludoye và cộng sự (2024); Oludoye và
	Tôi cảm thấy mình có nghĩa vụ đạo đức phải bảo vệ môi	

CM_ĐĐXH1	trường thông qua việc giảm nhựa	Supakata (2024); Phan Thị Thanh Thủy và cộng sự (2025)
CM_ĐĐXH2	Hành động giảm thiểu nhựa là phù hợp với các nguyên tắc sống và đạo đức cá nhân của tôi	
CM_ĐĐXH3	Những người quan trọng đối với tôi (gia đình, bạn bè thân thiết) mong đợi tôi giảm sử dụng nhựa	
CM_ĐĐXH4	Tôi cảm thấy tội lỗi hoặc áy náy mỗi khi phải sử dụng túi nilon hoặc hộp xốp	
CM_ĐĐXH5	Các phương tiện truyền thông và mạng xã hội có ảnh hưởng lớn đến quyết định giảm nhựa của tôi	
Các điều kiện tình huống (ĐKTH)		Phan Thị Thanh Thủy và cộng sự (2025); Oludoye và Supakata (2024); Shin và cộng sự (2024); Jia Liang và cộng sự (2025)
ĐKTH1	Tôi có xu hướng làm theo cộng đồng hoặc các trào lưu “sống xanh” trong việc hạn chế túi nilon	
ĐKTH2	Tôi có thể dễ dàng từ chối các sản phẩm nhựa dùng một lần nếu tôi thực sự muốn.	
ĐKTH3	Tôi có đủ các nguồn lực (thời gian, dụng cụ thay thế) để duy trì việc giảm nhựa hàng ngày	
ĐKTH4	Việc tìm mua các sản phẩm thân thiện với môi trường tại khu vực tôi sống là khá dễ dàng	
Quy định, chính sách (QĐ_CS)		Phan Thị Thanh Thủy và cộng sự (2025); Phan Thị Bích Ngọc và cộng sự (2023)
QĐ_CS1	Tôi sẽ nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến việc cấm túi nilon và sản phẩm nhựa dùng một lần	
QĐ_CS2	Tôi ủng hộ các chính sách của nhà trường trong việc hạn chế đồ nhựa tại canteen và giảng đường	
QĐ_CS3	Các hình phạt hành chính đối với hành vi xả rác nhựa tại Việt Nam hiện nay là cần thiết và nên được thực hiện nghiêm khắc hơn	
QĐ_CS4	Việc đánh thuế cao hoặc thu phí đối với túi nilon và ly nhựa sẽ thúc đẩy tôi thay đổi thói quen sử dụng	
QĐ_CS5	Các lệnh cấm từ chính phủ là hướng dẫn quan trọng cho hành vi tiêu dùng của tôi	
Hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần (HV_GTN)		Nguyễn Thu Hường và cộng sự (2021); Phan Thị Bích Ngọc và cộng sự (2023)
HV_GTN1	Tôi thường chủ động từ chối lấy túi ni-lông hoặc ống hút nhựa khi mua hàng	
HV_GTN2	Tôi thường mang theo bình nước cá nhân khi đi học	
HV_GTN3	Tôi thường sử dụng túi vải, giỏ nhựa cá nhân khi đi mua sắm	
HV_GTN4	Tôi thường sử dụng hộp cá nhân (cặp lồng) khi mua đồ ăn mang về	

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các đặc điểm mẫu khảo sát

Đặc điểm nhân khẩu xã hội của người trả lời được đưa ra trong bảng 2. Trong số 150 sinh viên tham gia khảo sát, có 109 sinh

viên (chiếm 72,7%) là nữ giới so với nam giới chiếm 27,3%. 97 sinh viên đến từ Khoa XHH&CTXH (chiếm 64,7%). Về độ tuổi, trung bình tuổi của người trả lời là 21,2 tuổi. Phần lớn sinh viên trong mẫu khảo sát sống ở nhà trọ (81 sinh viên, chiếm 54%); tiếp

đến là nhóm sinh viên sống cùng bố mẹ ở nhà riêng, và phần còn lại là ở ký túc xá.

Bảng 2: Đặc điểm cơ cấu mẫu khảo sát

Các đặc điểm	Tỷ lệ % (N)	Giá trị trung bình (Độ lệch chuẩn)
<i>Tuổi</i>		21,2 (0,82)
<i>Giới tính</i>		
Nam	27,3 (41)	
Nữ	72,7 (109)	
<i>Đơn vị đào tạo</i>		
Khoa Xã hội học và Công tác xã hội	64,7 (97)	
Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông	35,3 (53)	
<i>Nơi ở hiện nay</i>		
Ký túc xá	10 (15)	
Nhà trọ	54 (81)	
Ở nhà riêng cùng bố mẹ	36 (54)	
<i>Mức chi tiêu hàng tháng</i>		3.520.666 VNĐ (202.279,9)

4.2. Hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên

Phát triển thang đo của nghiên cứu đi trước (bảng 1), chúng tôi đã chỉ ra các loại hành vi giảm thiểu sử dụng nhựa dùng một lần của sinh viên. Theo thang điểm từ 0 đến 4, kết quả phản ánh rằng mức độ thực hiện hành vi nhìn chung chưa thường xuyên, khi giá trị trung bình chung của biến hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên chỉ đạt 2,11/4,00 (Độ lệch chuẩn = 0,91). Trong đó, hành vi mang bình nước cá nhân được nhiều sinh viên lựa chọn thực hiện nhất (2,60; Độ lệch chuẩn =

1,23), tiếp đến là hành vi từ chối sử dụng túi ni-lông/ống hút nhựa (2,07; Độ lệch chuẩn = 1,19), và hành vi sử dụng các sản phẩm thay thế như túi vải (2,01; Độ lệch chuẩn = 1,24). Hành vi sử dụng hộp cá nhân khi mua đồ ăn về có tỉ lệ sinh viên thực hiện thấp nhất (1,79; Độ lệch chuẩn = 1,34).

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng

Như trình bày ở mục thang đo, nghiên cứu này kế thừa và phát triển thang đo về thái độ, chuẩn mực đạo đức và xã hội, các điều kiện tình huống và các yếu tố chính sách, quy định.

Bảng 3: Kết quả kiểm định thang đo và phân tích nhân tố khám phá

Các nhận định	Hệ số tải nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha	Giá trị trung bình (Độ lệch chuẩn)
TĐ		0,765	3,34 (0,63)
TĐ1	0,859		3,45 (0,76)
TĐ2	0,626		3,38 (0,88)
TĐ3	0,777		3,41 (0,75)
TĐ4	0,628		3,11 (0,90)

CM_ĐĐXH		0,805	2,59 (0,85)
CM_ĐĐXH1	0,574		2,97 (0,94)
CM_ĐĐXH2	0,501		2,93 (1,03)
CM_ĐĐXH3	0,738		2,11 (1,29)
CM_ĐĐXH4	0,606		2,34 (1,24)
CM_ĐĐXH5	0,518		2,62 (1,10)
ĐKTH		0,775	2,63 (0,86)
ĐKTH1	0,527		2,40 (1,11)
ĐKTH2	0,769		2,91 (1,08)
ĐKTH3	0,588		2,62 (1,09)
ĐKTH4	0,691		2,60 (1,17)
QĐ_CS		0,818	2,97 (0,72)
QĐ_CS1	0,739		2,89 (0,97)
QĐ_CS2	0,524		3,11 (0,88)
QĐ_CS3	0,798		3,06 (0,95)
QĐ_CS4	0,543		2,95 (0,92)
QĐ_CS5	0,809		2,85 (1,01)

(Tổng phương sai giải thích = 63,909%; KMO = 0,883; Bartlett's test $p < 0,001$)

Nhìn chung, mức độ đồng tình của sinh viên đối với các nhận định phổ biến ở khoảng điểm 2-3/ 4,00. Trong đó, các nhận định thuộc yếu tố thái độ nhận được mức độ đồng tình cao hơn so với các yếu tố khác. Dựa trên hệ số tải nhân tố, các biến quan sát được phân nhóm vào bốn nhân tố (bảng 3). Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy hệ số

Cronbach's Alpha của các thang đo biến dự báo ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần đều đạt từ 0,7 trở lên - mức độ được xem là có thể chấp nhận được trong các nghiên cứu khoa học xã hội. Tiến hành phân tích tương quan giữa các biến số, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 4: Mối quan hệ giữa các biến số

Các biến dự báo	1	2	3	4	5
1. TĐ	-				
2. CM_ĐĐXH	.473***	-			
3. ĐKTH	.368***	.702***	-		
4. QĐ_CS	.487***	.615***	.559***	-	
5. HV_GTN	.229**	.544***	.528***	.290***	-

Ghi chú: ** $p < 0,01$, *** $p < 0,001$

Bảng 4 đã trình bày ma trận tương quan giữa các biến số, giữa các biến độc lập và

biến phụ thuộc, và giữa các biến độc lập (biến dự báo) với nhau. Trong đó, các biến

độc lập gồm có Thái độ, Chuẩn mực đạo đức - xã hội, Các điều kiện tình huống, Quy định, chính sách. Biến số phụ thuộc là Hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Nhìn vào bảng 4 ta thấy hai điểm như sau: Thứ nhất, các biến dự báo đều có mối quan hệ tương quan với biến phụ thuộc ở mức độ tin cậy 99%. Theo kết quả trong bảng 4, hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần có mối quan hệ khá mạnh với các yếu tố chuẩn mực đạo đức - xã hội ($r = 0,544$); tiếp đến là các điều kiện tình huống ($r = 0,528$). Các yếu tố thái độ và chính sách, quy định có mức độ quan hệ thấp ($r = 0,229$ và $r = 0,290$). Các mối quan hệ theo chiều dương cho thấy một xu hướng tuyến tính đối với biến phụ thuộc là hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên. Thứ hai, các biến độc lập có tương quan với nhau, ví dụ chuẩn mực đạo đức - xã hội có quan hệ với khá mạnh với điều kiện tình huống ($r =$

$0,702$), và quy định, chính sách ($r = 0,615$). Điều kiện tình huống có mối quan hệ khá mạnh với quy định chính sách ($r = 0,559$). Mức độ tương quan khá cao cũng đặt ra nguy cơ đa cộng tuyến trong phân tích hồi quy. Do vậy, chúng tôi thực hiện kiểm tra hệ số VIF để đảm bảo tính ổn định của mô hình. Kết quả kiểm định cho thấy hệ số VIF của các biến dự báo đều nằm trong khoảng 1-2. Cụ thể, thái độ (1,400), chuẩn mực đạo đức - xã hội (2,413), điều kiện tình huống (2,080), quy định, chính sách (1,838).

Dựa trên kết quả của phân tích tương quan và các điều kiện thực hiện phân tích hồi quy ở trên, nhóm tác giả đã thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê ($F = 19,469$; $p < 0,001$).

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Các biến dự báo	Hệ số Standardized coefficient
TĐ	-.018
CM_ĐĐXH	.408***
ĐKTH	.322**
QĐ_CS	-.133

Ghi chú: ** $p < 0,01$, *** $p < 0,001$; $R = 0,349$, R^2 điều chỉnh = 0,331

Theo kết quả của bảng 5, các yếu tố chuẩn mực đạo đức - xã hội và các điều kiện tình huống có ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên; trong đó chuẩn mực đạo đức - xã hội có ảnh hưởng mạnh nhất. Trong khi đó, thái độ và quy định/chính sách không có ý nghĩa thống kê trong mô hình nghiên cứu.

5. Thảo luận

Sau khi thực hiện phân tích dữ liệu với 150 sinh viên thuộc hai cơ sở đào tạo là Khoa XHH&CTXH và Viện Đào tạo

BC&TT, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, nghiên cứu này đã chỉ ra các hành vi chủ động giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên còn ở mức khiêm tốn. Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của Oludoye và Supakata (2024) đã cho rằng sinh viên Thái Lan cũng dừng ở mức suy nghĩ về hành động; trong khi tỉ lệ thực hành và duy trì hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần còn ở mức chưa cao. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra rằng trong số các hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần, hành vi mang bình nước cá nhân khi đi học

là hành vi được lựa chọn nhiều nhất, tương đồng như kết quả trong nghiên cứu của Sedtha và cộng sự (2022).

Kết quả phân tích nhân tố khám phá trong nghiên cứu này đã chỉ ra sự hội tụ của các biến quan sát thuộc chuẩn mực chủ quan và chuẩn mực đạo đức vào nhân tố chuẩn mực đạo đức – xã hội. Yếu tố này được phát hiện có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên trong mẫu khảo sát. Kết quả này cũng phù hợp với phát hiện trong nghiên cứu của Nguyễn Yến Nhi và cộng sự (2025) về quá trình xã hội hoá trách nhiệm, theo đó, chuẩn mực chủ quan là tiền đề kích hoạt chuẩn mực cá nhân thông qua cơ chế nội tâm hoá các chuẩn mực xã hội. Hơn thế nữa, kết quả này cũng phản ánh khá rõ đặc trưng của các xã hội có tính tập thể cao, như Việt Nam. Trong bối cảnh văn hoá này, khi cá nhân nhận thấy những người xung quanh coi trọng và kỳ vọng mình thực hiện hành vi, họ có xu hướng tuân theo chuẩn mực đó nhiều hơn, đặc biệt đối với người trẻ - những người thường nhạy bén với các xu hướng xã hội; trong bối cảnh này, đó có thể là các áp lực đồng trang lứa (Phan Thị Thanh Thuỷ và cộng sự 2025: 2). Bên cạnh đó, các điều kiện tình huống cũng là yếu tố có ảnh hưởng đến hành vi của sinh viên. Trong nghiên cứu này, phát triển từ yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi trong khung phân tích của lý thuyết hành vi có kế hoạch, một số chỉ báo về ngoại cảnh được bổ sung, như sự sẵn có của các sản phẩm thay thế hoặc các phong trào sống xanh trong cộng đồng diễn ra sôi nổi. Việc phân tích mở rộng các yếu tố này sẽ giúp hỗ trợ giải thích toàn diện hơn về các yếu tố ngoại cảnh tác động đến hành vi. Kết quả này gợi ý rằng cần tạo ra các điều kiện thuận lợi, các phong trào môi trường để thúc đẩy mạnh mẽ hơn hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên. Trong một số nghiên cứu, yếu tố này được xem là yếu

tố ảnh hưởng rất mạnh đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần của cá nhân (Oludoye và Supakata 2024; Nguyễn Thị Thu Hồng 2024).

Trong khi đó, nghiên cứu này chưa phát hiện được sự ảnh hưởng của hai biến số thái độ và quy định, chính sách đến hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên, mặc dù hai biến số này đều có tương quan Pearson dương với hành vi của sinh viên. Kết quả này chia sẻ tương đồng với kết quả của Islam và cộng sự (2025). Theo đó, thái độ hoàn toàn không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến hành vi quản lý chất thải nhựa bền vững của thế hệ gen Z tại thủ đô Dhaka, Bangladesh. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Oludoye và Supakata (2024) cũng chỉ ra rằng thái độ chỉ bắt đầu có ảnh hưởng nhỏ khi sinh viên cân nhắc thực hiện giảm nhựa, nhưng lại biến mất hoàn toàn khi họ đã thực sự hành động. Đối với biến số chính sách và quy định, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Van Lee và cộng sự (2021) tại Malaysia, cho thấy các yếu tố pháp lý sẽ không phát huy hiệu lực tác động nếu người dân nhận thức rằng khung pháp lý còn lỏng lẻo hoặc việc thực thi chưa nghiêm. Trong bối cảnh Việt Nam, mặc dù chính sách, quy định về quản lý chất thải nhựa đã được phát triển và hoàn thiện trong nhiều năm gần đây, như Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng các công cụ chính sách cụ thể còn hạn chế và rời rạc, chưa thực sự gắn với đời sống hàng ngày của người dân. Nếu sinh viên chưa hiểu rõ hoặc chưa tiếp cận được thông tin đầy đủ về các quy định này, họ cảm thấy chưa có chế tài cụ thể hoặc công cụ giám sát đi kèm thì tầm quan trọng của biến số chính sách/quy định này sẽ bị giảm sút đáng kể so với các biến số khác. Điều này đã được Phan Thị Thanh Thuỷ và cộng sự (2025) khẳng định trong một nghiên cứu đối với nhóm sinh viên tại thành phố Đà Nẵng. Kết quả là khi đặt cùng các yếu tố

khác trong mô hình phân tích, như chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và chuẩn mực đạo đức, thái độ và chính sách/quy định không đủ mạnh để giữ vai trò ảnh hưởng đến hành vi, như các biến số khác trong mô hình.

6. Kết luận

Nói tóm lại, các phân tích dữ liệu ở trên chỉ cung cấp được cơ sở để chứng minh các giả thuyết H2, H3; trong khi giả thuyết H1 và H4 chưa có đủ cơ sở để chứng minh. Sự kết hợp của các yếu tố này trong lý giải hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần của sinh viên có thể nhìn nhận như sau: các chuẩn mực đạo đức – xã hội có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi giảm thiểu nhựa của sinh viên. Sự hội tụ của hai yếu tố đạo đức, trách nhiệm và áp lực mong đợi từ người thân, bạn bè, truyền thông phản ánh đặc trưng văn hoá tập thể, nơi có sự gắn kết giữa các chuẩn mực xã hội này. Đồng thời, nó thể hiện kết quả của quá trình xã hội hoá cá nhân, khi sinh viên đã nội tâm hoá sâu sắc nghĩa vụ bảo vệ môi trường và các chuẩn mực xã hội từ nhóm mà họ coi là quan trọng với mình. Khi chuẩn mực đạo đức – xã hội mạnh mẽ kết hợp với các điều kiện thuận lợi, tính thuận tiện và sự lan rộng của các phong trào môi trường sẽ giúp cho các động lực nội tại này trở thành hành động thực tế. Trên cơ sở này, một trong những giải pháp được đề xuất là xây dựng các cộng đồng, nhóm thanh niên tiên phong trong thực hành giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần trong trường học, trong đó thành viên là những thanh niên nổi tiếng có tầm ảnh hưởng, các sinh viên có uy tín trong nhóm để tạo ra các áp lực xã hội, áp lực đồng trang lứa tích cực đối với sinh viên. Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận tiện, loại bỏ các rào cản về hạ tầng, thiết bị, sản phẩm để sinh viên chuyển hoá động lực thành hành động, như duy trì và bổ sung nhiều hơn

các trạm tiếp nước uống sạch miễn phí dọc các giảng đường, canteen để sinh viên bổ sung nước uống vào bình nước cá nhân.

Bên cạnh các kết quả đạt được kể trên, nghiên cứu này có một số hạn chế. Thứ nhất, đây là thiết kế nghiên cứu với cỡ mẫu nhỏ, hạn chế trong việc suy rộng ra cho nhóm sinh viên nói chung. Thứ hai, nghiên cứu chưa bao trùm một số khía cạnh khác của hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa một lần, như là hành vi tuyên truyền và vận động những người xung quanh, cũng như các cam kết cá nhân tham gia giảm thiểu nhựa một lần. Điều này có thể lý giải phần nào cho việc vì sao mô hình chỉ giải thích được phần nào sự biến thiên của hành vi giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần trên các biến độc lập, trong khi chưa đề cập đến các yếu tố khác. Tuy nhiên, mang tính chất khám phá, nghiên cứu này góp phần hình thành cách hiểu ban đầu về hành vi giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, cũng như về các yếu tố tác động bao gồm cả động lực nội tại của cá nhân lẫn cơ chế ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài. Trên cơ sở đó, tạo tiền đề phát triển các nghiên cứu có quy mô lớn hơn về cỡ mẫu, cũng như bổ sung thêm một số chiều cạnh của hành vi giảm thiểu nhựa, và các yếu tố ảnh hưởng khác như là nhận thức của sinh viên về lợi ích của hành vi giảm thiểu nhựa, yếu tố niềm tin, cơ sở hạ tầng, thói quen, nhận thức của sinh viên... Kết quả của nghiên cứu này cùng với định hướng của các nghiên cứu trong tương lai sẽ cung cấp thêm bằng chứng cho các hoạch định chính sách trong việc thúc đẩy giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần hiện nay, thông qua một cơ chế vận hành, kết hợp có hiệu quả của nhiều yếu tố, từ ý thức, nhận thức, thái độ của sinh viên, đến các yếu tố từ gia đình, bạn bè, trường lớp và điều kiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị... Chỉ có như vậy, chiến lược giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa ở Hà Nội và Việt Nam nói chung mới

có hiệu quả, đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Tuyên bố sử dụng AI: Trong quá trình chuẩn bị nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng công cụ AI Consensus, Copilot nhằm mục đích tìm kiếm tài liệu có liên quan đến chủ đề hành vi giảm thiểu sử dụng nhựa dùng một lần của sinh viên. Sau đó, tác giả có kiểm tra và tìm kiếm lại các tài liệu này trên Google Scholar và kho dữ liệu Science Direct, để tìm đọc tài liệu. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu có sử dụng công cụ ChatGPT để dịch một số thuật ngữ, tài liệu tiếng Anh cho phù hợp. Nhóm tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung trong bài báo này.

Tài liệu trích dẫn

- Ajzen, Icek. 1991. "The Theory of Planned Behavior." *Organizational Behavior and Human Decision Processes* 50(2): 179–211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Albarracín, Dolores, Blair T. Johnson, Icek Ajzen, Martin Fishbein, and Sabine Lohmann. 2018. *The Handbook of Attitudes, Volume 1: Basic Principles*. New York: Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315178103>
- Boca, Grația Dana, and Sinan Saraçlı. 2023. "Effects of Romanian Student's Awareness and Needs Regarding Plastic Waste Management". *Sustainability* 15(8): 6811. <https://doi.org/10.3390/su15086811>
- Canlas, Ian Phil, Lanie P. Plecerda, Naneta M. Panit, Remeca M. Sereño, and Arnel L. Gamez. 2025. "Differential Effect of Environmental Sustainability Beliefs and Norms on Green Consumption and Energy Conservation Behaviors among Pre-service Teachers." *Human Ecology* 53:581–596. <https://doi.org/10.1007/s10745-025-00608-7>
- Canoglu, Meltem, and Sefa Üstüner. 2025. "The Moderating Role of Environmental Knowledge in Influencing Sustainable Consumption Intention of Generation Z through Personal Norms, Social Norms, and Environmental Awareness." *Innovative Marketing* 21(1):14–25. [https://doi.org/10.21511/im.21\(1\).2025.02](https://doi.org/10.21511/im.21(1).2025.02)
- Chính phủ. 2022. "Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường". Truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2026. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205092>
- Đặng Hồ Phương Thảo, Nguyễn Thu Hiền và Phạm Ngọc Hòa. 2022. "Thực trạng sử dụng ống hút nhựa của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và giải pháp thay thế". *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm* 22(3): 24-33.
- Esfandiar, Kayhan, Roy Dowling, Jamie Pearce, and Edmund Goh. 2020. "Personal Norms and the Adoption of Pro-Environmental Binning Behaviour in National Parks: An Integrated Structural Model Approach". *Journal of Sustainable Tourism* 28(1): 10–32. <https://doi.org/10.1080/09669582.2019.1663203>
- Gu, Feng, Ziyang Zhu, and Sajid Ali. 2023. "Analysis of Factors of Single-Use Plastic Avoidance Behavior for Environmental Sustainability in China". *Processes* 11: 1412. <https://doi.org/10.3390/pr11051412>
- Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội. 2025. "Nghị quyết 22/2025/NQ-HĐND: Về quy định biện pháp giảm phát thải nhựa trên địa bàn thành phố Hà Nội". Truy cập ngày 10/06/2026. <https://vanban.hanoi.gov.vn/chi-tiet-van-ban/ve-quy-dinh-bien-phap-giam-phat-thai-nhua-tren-dia-ban-thanh-pho-ha-noi-thuc-hien-diem-d-khoan-2-221665>
- Islam, Md. Habibul, Md. Mohammed Sabbir, Md. Zahidul Anam, and Md. Tarikul Islam. 2025. "Exploring Sustainable Plastic Management Behavior among Young Consumers in Bangladesh." *Journal of Material Cycles and Waste Management* 27(2): 914–924. <https://doi.org/10.1007/s10163-024-02144-w>
- Mai Hải Đăng. 2026. "Students' Attitudes and Perceptions Towards Plastics and Microplastics Pollution: Implications for Vietnam". *VNU Journal of Science: Legal Studies* 42(1): 91-104. <https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4759>

- Mạnh Hùng. 2022. “Rác thải nhựa ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”. Tạp chí *Cộng sản*. Truy cập ngày 13 tháng 5 năm 2026. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/826009/rac-thai-nhua-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>
- Minichiello, H., J. Hill, H. Truelove-Barnes, E. Largo-Wight, J. Sherry, K. Debure, S. Gowans, and A. Siuda. 2023. “Challenging Single-Use Plastic Behavior: A Pilot Study”. 86(2): 99–103.
- Nguyễn Thị Thu Hiền, Thái Ngọc Hân, Quách Văn Toàn Em, Cao Anh Tuấn và Tống Xuân Tám. 2024. “Thực trạng và giải pháp nâng cao nhận thức về rác thải nhựa cho sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. *Chuyên đề III, năm 2024*: 49-60.
- Nguyễn Thị Thu Hồng. 2024. “Antecedents of Young Consumers' Behavioral Intention toward Plastic Waste Minimization in Vietnam”. *Journal of Material Cycles and Waste Management* 26(5): 3089–3101. <https://doi.org/10.1007/s10163-024-02030-5>
- Nguyễn Thu Hường, Nguyễn Thị Tuyết, Itphavanh Duangphachanh, Đặng Thu Huyền, Trần Trung Hiếu, Trần Thị Hải Vỹ. 2021. “Đánh giá nhận thức của sinh viên Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên về chất thải nhựa và giảm thiểu chất thải nhựa”. *TNU Journal of Science and Technology* 226(12): 14–21. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4452>
- Nguyen Nhi Yen, Hao Gia Tran, Dang Thanh Tra, Nhung Tuyen Le, and Hien Thi Thuy Nguyen. 2025. “The Relationship between Low-Consumption Single-Use Plastic Awareness and Behaviour: A Case Study of FPT University Students (Ho Chi Minh Branch)”. *International Journal of Sustainability in Higher Education* 26(1): 199-216. <https://doi.org/10.1108/IJSHE-04-2023-0133>
- Oludoye, Oluwaseun O., and Natsuree Supakata. 2024. “Breaking the Plastic Habit: Drivers of Single-Use Plastic Reduction among Thai University Students”. *PLOS ONE* 19(5): e0299877. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0299877>
- Oludoye, Oluwaseun O., Natsuree Supakata, Saowanee Srithongouthai, Vorapot Kanokkantapong, Stephan Van Den Broucke, Lukman Ogonyebi, and Mark Lubell. 2024. “Pro-Environmental Behavior Regarding Single-Use Plastics Reduction in Urban–Rural Communities of Thailand: Implication for Public Policy”. *Scientific Reports* 14(1): 4713. <https://doi.org/10.1038/s41598-024-55192-5>
- Phan Thị Bích Ngọc, V B Phuong, and L H Nghia. 2023. “Single-Use Plastics: Legal Perceptions and Self-Reported Behavior in Vietnam”. *IOP Conference Series: Earth and Environmental Science* 1247(1): 012013. <https://doi.org/10.1088/1755-1315/1247/1/012013>
- Phan Thị Thanh Thủy, Phan Thị Thanh Nhân, và Nguyễn Thị Thu Hồng. 2025. “Influential Factors Shaping Vietnamese Students' Intentions to Reduce the Use of Single-Use Plastics”. *Sustainable Futures* 10: 101178. <https://doi.org/10.1016/j.sftr.2025.101178>
- Quốc hội. 2020. “Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Bảo vệ môi trường”. Truy cập ngày 10/06/2026. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202613&classid=1&typegroupid=3>
- Schwartz, Shalom H. 1977. “Normative Influences on Altruism”. *Advances in Experimental Social Psychology* 10: 221-279.
- Sedtha, Sirikoon, Vilas Nitivattananon, Muhammad Mizanur Ahmad, and Sheila G. Cruz. 2022. “The First Step of Single-Use Plastics Reduction in Thailand.” *Sustainability* 15(1): 45. <https://doi.org/10.3390/su15010045>
- Shen, Sicen, Yifan Du, Yuchang Jin, Junxiu An, and Peixuan Zheng. 2026. “The Influence of Social Norms on Pro-Environmental Dietary Behaviors among Chinese University Students”. *Humanities and Social Sciences Communications* 13:775. <https://doi.org/10.1057/s41599-026-06803-1>
- Shin, Jae Yeon, Eunha Kim, Young Joo Jang, and Manisha Singal. 2024. “Mindful Choices: Unveiling the Driving Factors behind Consumers' Intention to Reduce Single-Use Plastic Utensils”. *Sustainability* 16: 710. <https://doi.org/10.3390/su16020710>

- Sun, Ying, and Hongmei He. 2023. "Understanding Consumers' Purchase Intentions of Single-Use Plastic Products." *Frontiers in Psychology* 14: 1105959. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2023.1105959>
- Van, Lee, Norbayah Abdul Hamid, Md. Fauzi Ahmad, Ahmad Naqiyuddin Akbar Ahmad, Rozita Ruslan, and Puteri Fadzline Muhamad Tamyaz. 2021. "Factors of Single Use Plastic Reduction Behavioral Intention". *Emerging Science Journal* 5(3): 269–278. <https://doi.org/10.28991/esj-2021-01275>
- World Bank. 2022. "Phân tích về ô nhiễm rác thải nhựa tại Việt Nam." Truy cập ngày 13 tháng 5 năm 2026. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099731506282258321/pdf/P167307016be7609b087c101a167c06027a.pdf>
- Zahid, Hamid, Sajid Ali, Hafiz Muhammad Usman Javed, and Kashif Khan. 2025. "Understanding Consumer Preferences for Non-Plastic Reusable Shopping Bags: A Comparison of Competing Theoretical Models". *Cogent Social Sciences* 11(1): 2460712. <https://doi.org/10.1080/23311886.2025.2460712>